

Bản án số: 42/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 24-4-2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2024, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu, quen biết nhau trước, chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện MC (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre, vào ngày 03/3/2003. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được điểm chung trong lối sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn tồn tại, không ai còn quan tâm ai, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân N1, sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 31/8/2015. Sau khi ly hôn, cháu N1 đã trưởng thành nên không đề cập. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh Nghĩa.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 22/3/2024, bà Phạm Thị Kim C – Công chức Tư pháp xã P, huyện M trình bày như sau:

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre theo quy định pháp luật. Trong thời gian sinh sống tại địa phương, chị L và anh N không có nhờ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề tranh chấp trong đời sống hôn nhân nên địa phương không nắm rõ về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn giữa chị L và anh N. Hiện tại, chị L đang sống với con chung giữa chị và anh N và làm nghề buôn bán sinh sống.

Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 06/3/2024, cháu Nguyễn Ngọc Khánh V trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L; Về nuôi con chung: Sau khi ly hôn, con chung Nguyễn Thị Xuân N1, sinh ngày 07/01/2004 đã trưởng thành nên không đề cập; chị L tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 31/8/2015 và anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên

không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đối với nguyên đơn chị Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/4/2024 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được điểm chung trong lối sống, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, không ai còn quan tâm ai. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Xét thấy, sau khi kết hôn chị L và anh N đã có thời gian dài sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung nhưng chỉ vì những mâu thuẫn trong cuộc sống mà anh chị sống bỏ mặc, không quan tâm nhau. Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh N đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh Nghĩa vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh N. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân N1, sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 31/8/2015. Sau khi ly hôn, cháu N1 đã trưởng thành nên không đề cập và chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V. Anh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì.

Xét thấy, cháu N1 đã trưởng thành nên không đề cập. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 06/3/2024, cháu V trình bày cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau. Do hiện tại cháu V đang sống với

chị L và chị L đảm bảo trực tiếp nuôi cháu V nên nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý của cháu V nên cần giao cháu V cho chị Lanh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu V.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Xét thấy, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật thì sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chưa thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con đồng thời là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con đối với con chưa thành niên. Nên để nhằm đảm bảo quyền lợi cho cháu V cần chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng theo mức sống trung bình tại địa phương. Ngoài ra, theo quy định pháp luật mức cấp dưỡng nuôi con là không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu. Biết rằng mức lương tối thiểu do Chính phủ qui định tại thời điểm xét xử là 1.800.000 đồng. Ngoài ra, nhu cầu trung bình hàng tháng của một đứa trẻ trong độ tuổi của cháu V tại địa phương là khoảng 2.000.000 đồng. Vì vậy, buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi là phù hợp luật định và đảm bảo đủ điều kiện vật chất cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu V, đồng thời cũng nâng cao quyền và nghĩa vụ đối với con chung của người không trực tiếp nuôi con.

[4] *Về chia tài sản*: Theo chị L trình bày là trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, anh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó, không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Nguyễn Văn Nghĩa phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L.

Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Sau khi ly hôn, con chung Nguyễn Thị Xuân N1, sinh ngày 07/01/2004 đã trưởng thành nên không đề cập; Chị Lê Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 31/8/2015 và anh Nghĩa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị L, anh N, Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

4.1. Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0003853 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam nên không phải nộp thêm.

4.2. Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Phước Hiệp (14, 03/3/2003) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang